

# Tôi Không Quên Những Mùa Thu Ấy

Châu Tiên Khương

An nhơn xã là sanh quán của tôi. Giòng họ tôi đến lập nghiệp tại làng này tính đến năm 1945 đã hơn ba đời

Làng nhỏ, nghèo, dân cư thưa thớt; tuy ở ven đô cách Sài gòn hơn 10 cây số, cách quận Gò Vấp 2 cây số có đường quốc lộ số 13 xuyên qua, có ga xe điện trên tuyến đường ray Sài gòn Thủ dầu Một, chỉ xa phi trường Tân sơn Nhứt không quá một cây số đường chim bay, nhưng cho đến biến cố 1945 làng vẫn còn cảnh trí thôn quê, đồng không mông quạnh, đường "chẹt" quanh co, bờ tre rào trúc chen tàn rủ bóng. Thuở trước năm 1945 làng chưa có điện, không có nước máy, nhà nhà phải xây bồn, sấm lu, chứa nước mưa hay đào giếng để có nước sạch, đêm đến, phải thắp đèn dầu hôi (dầu hỏa) dầu phộng (dầu lạc) có lúc cả dầu "mù u "

Khi đến tuổi, tôi học vỡ lòng tại trường làng. Ba năm sau, qua thi tuyển, tôi được nhận vào học trường quận Gò Vấp Trong thời gian đó tôi bắt đầu thích truyện Tàu. "Tiết nhơn Quý chinh Đông" là quyển truyện đầu tiên mà tôi đọc mê.

Khi có bằng Sơ học (certificat) cha tôi cho tôi vào học trường tư thực Lê bá Cang luyện thi bằng Diplôme (Thành Chung) và Brevets theo gương anh hai tôi (anh cả) đã từng theo học tư thực này và đã đạt sở nguyện của anh và của gia đình chúng tôi. Anh thường kể cách phân tích Pháp văn của thầy Lê bá Cang, cách giải thích Toán của thầy Hồ văn Ngà, cách diễn giảng Vật học của thầy Trương văn Huấn, cách bình chọn Việt văn của thầy Trúc Hà Trần thêm Thới...

Thuở ấy trường "Lê bá Cang" nằm ở trung tâm Sài Gòn tại đường Lagrandière (dưới thời Việt nam Cộng hoà đổi tên ra Gia Long) bên sau chợ Bến Thành còn được gọi là Chợ Mới. Nhà tôi cách trường trên 10 cây số ; tôi đi học bằng xe đạp. Sáng đi chiều về, ăn trưa tại trường cùng với học sinh nội trú.

Với chương trình Trung học thời ấy, ngôn ngữ Pháp là chánh, tôi phải trau dồi văn phong và để có căn bản phải đọc những tác phẩm của các thi nhân văn sĩ Pháp. Cũng trong thời kỳ đó, các trào lưu tư tưởng, nếp sống tự do Tây phương, đã lần hồi xâm nhập vào xã hội miền Nam, hợp với tâm tình chất phác, chân thật, của dân quê miền Nam thường sinh hoạt trong cảnh đồng không mông quạnh "chuyện mình mình lo" dù rằng trong tương quan hàng xóm láng giềng luôn luôn xử sự trong "tương trợ tương thân tương kính".

Vì cần truyền bá Thánh Kinh trong đại chúng, các Cố Đạo Tây phương nghĩ và sáng tạo chữ Quốc Ngữ theo mẫu tự "La tinh" Nhờ vậy các thể hệ trí thức "Tân học" chung nhau góp sức xây dựng nhanh chóng một nền Văn hóa dân tộc đặc thù, vẫn tiếp thu tinh thần Nho giáo, kiến thức Tây Phương, nhưng không diễn viết theo chữ Hán chữ Nôm hay chữ Pháp mà bằng thể Quốc ngữ đơn giản dễ học dễ viết nên để truyền. Ta có thể giao lưu với văn hoá tư tưởng năm châu qua dạng thức của nền văn chương đặc thù Việt nam, xa hẳn chữ Nôm chữ Hán và dù viết theo mẫu tự "LaTinh" vẫn không phải "La tinh ngữ" hay Pháp ngữ.

Nhờ Quốc ngữ dễ học một số đông người Việt sớm thoát nạn mù chữ, có phương tiện mở rộng truyền thông, tin tức, ý kiến, quan niệm, giao tiếp suy tư. Luận bàn thể sự qua hình thức "báo chí" đã bắt đầu xuất hiện tại miền Nam như "Nhựt trình Nam kỳ", "Phan Yên báo", "Gia đình báo", "Nông cổ mìm đằm"...với các ông Trương minh Ký, Diệp văn Cương, Pétrus Trương vĩnh Ký...Bên nữ giới có bà Sương Nguyệt Ánh. Trong lãnh vực "tiểu thuyết", ngôi vị "bá vương" thời ấy phải dành cho nhà văn Hồ biểu Chánh với lối trăm tác phẩm mà trí thức lẫn bình dân Nam kỳ yêu chuộng như : "Ai làm đươc", "Cay đắng mùi đời", "Ngọn cỏ gió đùa", "Cha con nghĩa nặng", "Vẹn nghĩa trọn tình".....

Phong trào phổ biến sách báo "Quốc ngữ" được nhân dân hâm mộ, lây lan ra Bắc kỳ, Trung kỳ. Hà nội đất "ngàn năm văn vật" nồng nhiệt hưởng ứng, kích thích trí thức Hà thành viết, in và phát hành tác phẩm bằng quốc ngữ thay vì bằng chữ Hán hay chữ Nôm. Văn chương Hà nội qua báo, tiểu thuyết Bắc "bung tỏa"



khắp Việt nam.

Chúng tôi nhiệt tình tiếp xúc thi văn mới miền Bắc qua Tự Lực Văn Đoàn, Phổ Thông Bán Nguyệt San, Nam Phong, Phong Hoá, Ngày Nay.... hòa tâm hợp trí với các phong trào xã hội đang bộc phát, triển khai những luồng tư tưởng mới hướng về sự hình thành một nền văn hóa mới, khơi mở kiến thức về viễn ảnh một xã hội mới. Những nơi cổ xưa như Thăng long, Hoa Lư, Huế, thắng cảnh như Hạ long, Hương giang Núi Ngự những chốn dập diu tài tử giai nhân như hồ Hoàn Kiếm, hồ Tây, hồ Trúc Bạch, đền Trấn Vũ, đường Cổ Ngư, cầu Thê Húc, chùa Thiên Mục, Tháp Rùa... các phố như hàng Đào, hàng Trống, hàng Buồm... cầu Paul Doumer cầu Trường Tiền Phú Văn lâu chợ Đông Ba... tuy xa nhưng rất gần tâm tư tôi. Những vùng núi non Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai... những nơi hoang dã Yên Bái, Bắc Giang, Sơn La, Việt Trì những đồng bào thiếu số như Mán, Mường, Thổ, Thái, Nùng, Lô Lô... khơi gợi hiếu kỳ, khiến tôi mơ, ngày nào đó, được đặt chơn trên hai miền Trung Bắc, đến viếng những nơi mà tôi chỉ biết qua trong các tác phẩm của văn nhơn thi sĩ.

Sanh và lớn lên tại miền Nam, thuộc vùng nhiệt đới, với hai mùa mưa nắng, tôi thèm ngắm cảnh trời Thu lá vàng bay lượn, gió lạnh gay gay, như chú bé Anatole France, thuở còn vô tư lự, thích đi, nhảy, tung tăng, ngang qua vườn Luxembourg nhơn ngày tựu trường; hay như Lưu Trọng Lư từng ngắm cảnh rừng thu với "*con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô*"; hoặc như Tản Đà trong cảnh thơ mộng: "*gió thu hiu hắt, sương thu lạnh, trăng thu bạch, khói thu xây thành*..." Thuở ấy, tôi chỉ biết mùa Thu qua sách vở, nhưng tôi rất yêu cái buồn buồn man mác của "cảnh trí tàn Thu".

Chẳng những không có mùa Thu thơ mộng, miền Nam cũng không có mùa Đông tuyết lạnh. Tôi chỉ nhận biết mùa Đông qua sách vở báo chí với hình ảnh êm ả của tuyết trắng phau phau, mương rạch đóng băng, giá lạnh... gợi khơi cảnh giới thần tiên trong sáng chẳng chút bụi trần.

Từ đó, tôi mơ được đi, cô đơn, thanh thản, nhìn tuyết rơi tợ ngàn cánh hoa là là, phiêu phiêu bay lượn trong phẳng lặng, tuyết không tiếng động, tuyết không bóng người, mình như lâng lâng thoát tục.

- o\*o\*O\*o\*o -

Ngày 9 tháng 3 năm 1945 Nhật lật Pháp tại Việt nam. Các trường đóng cửa tôi phải ngưng học. Thời cuộc biến chuyển quá nhanh... Nhật giao trả chủ quyền cho Việt nam. Vua Bảo Đại tuyên bố "Đế quốc Việt nam" là một quốc gia độc lập, hủy bỏ các hiệp ước mà những triều đại trước đã ký với Pháp và giao cho chí sĩ Trần trọng Kim lập Chánh phủ.

Ngày 17 tháng 4 năm 1945 Trần trọng Kim lập xong Chánh phủ và trở thành Thủ tướng đầu tiên của Việt Nam độc lập. Thành phần Nội các là những trí thức luật sư, bác sĩ, kỹ sư như Trần Trọng Kim, Hoàng Xuân Hãn, Lưu văn Lang, Trịnh Đình Thảo, Vũ văn Hiến, Hồ tá Khanh, Phan Anh... Họ đều chưa dính líu sâu đậm với bộ máy quan trường hay bộ máy chánh trị Thực dân, lại thuộc thể hệ tân học nổi danh trên đường học vấn, sanh sống tự do tự lập, có trăn trở về vận mạng xứ sở, có lòng yêu nước yêu dân với ý chí và khuynh hướng tiến bộ... nên được đa số quần chúng quý mến ngưỡng mộ hoan hô.

Nhưng chỉ 6 tháng sau, vào ngày 25 tháng 8 năm 1945, trước áp lực tuyên truyền giàn dựng của Mặt trận Việt minh, vua Bảo Đại lo ngại nội chiến trong đất nước phải tuyên bố thoái vị, trao ấn kiếm cho Trần huy Liệu đến Huế, thay mặt Hồ chí Minh.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 Nhật Bản qua Mamoru Shigemitsu đại diện Nhật hoàng cùng đi với Yoshijirō Unezi Tư lệnh Tối cao quân lực Nhật đến ký hàng ước vô điều kiện với tướng Mac Arthur trên thiết giáp hạm Missouri Huế kỳ đã cập bến Tokyo từ ngày 28 tháng 8.

Cũng vào ngày 2 tháng 9 đó, chỉ cách vài giờ, sau khi Nhật được Mỹ chánh thức chấp nhận cho đầu hàng, Hồ chí Minh mới tuyên bố Việt Nam độc lập dưới chánh thể Dân chủ Cộng hoà và qua ngày sau tức 3 tháng 9 ông ta thành lập chánh phủ với những thành viên đồng chí lạ tên lạ tuổi. Nhân dân không biết họ và cũng không biết ngay cả Hồ chí Minh. Có lẽ do cái tên "na ná" Tàu khiến họ ngỡ ông là người "Tàu lai" được Trung Quốc phái về ẩn náu trong hang Pắc Pó tại vùng núi non hiểm trở, cạnh biên giới Tàu để điều khiển Mặt trận Việt Minh, đón nhận chánh quyền do Bảo Đại đã tự ý và tự tay giao lại. Lúc ấy Nhật trong vị thế đầu hàng không thể can thiệp dù thừa sức làm.

Chánh quyền hợp pháp đang nằm trong tay Bảo Đại và nhà Vua này lại "muốn làm Dân một xứ tự do hơn làm Vua một xứ nô lệ." Hành động này, dù xuất phát từ động lực nào cũng tự nó là cử chỉ cao đẹp của kẻ

BIẾT coi trọng quyền lợi ĐẤT NƯỚC hơn quyền lợi của MÌNH và TRIỀU ĐẠI mình. Đây là bài học cho những ai đã và đang lăm le sẵn sàng đặt quyền lợi của MÌNH của TẬP THỂ hay ĐẢNG MINH trên quyền lợi QUỐC GIA chủ trương thà mất Nước chứ không chịu mất Đảng mất Chuyên chính Vô sản!

Trên bình diện lịch sử, căn cứ trên SỰ KIẾN, không có cuộc "Cách mạng tháng Tám". Không có việc "Diệt Phát xít" vì Nhật đã đầu hàng Mỹ trước đó. Cũng không có việc "vùng lưỡi gươm phá tan xích xiềng, tiến lên ta dành Tự do" vì thuở đó Việt Nam đã độc lập rồi và Bảo Đại chẳng những đã đánh điện tín cho Hồ chí Minh cho biết sẵn sàng thoái vị, mà lại còn, qua hai điện tín khác, ra lệnh không cho hai khâm sai Bắc (Phan Kế Toại thay thế bởi Nguyễn xuân Chữ) và Nam (Nguyễn văn Sâm) làm hành vi nào chống lại Việt Minh, cũng không chấp nhận đề nghị Nhật sẵn sàng dẹp loạn Việt minh nếu có yêu cầu của chánh quyền Việt Nam.

Chiếu quyết nghị Potsdam, Trung hoa và Anh quốc đem quân đến giải giới Nhật tại Việt Nam lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới phân chia trách vụ: từ vĩ tuyến 16 trở lên (hướng Bắc) thuộc Tàu, từ vĩ tuyến 16 trở xuống (hướng Nam) thuộc Anh

Nhưng khi đến Sài Gòn Anh lại ngầm giúp Pháp trở lại chiếm Nam kỳ. Pháp dùng võ lực và với sự ưng thuận mặc nhiên của Anh đánh chiếm Sài Gòn trong đêm 22 rạng sáng 23 tháng 9 năm 1945. Toàn bộ Lâm Ủy Hành Chánh Nam bộ đã đào thoát trước đó. Không còn lãnh đạo chánh trị, không người chỉ huy quân sự, nhưng toàn dân Sài Gòn cùng đứng lên chống Pháp. Hừng khởi với khí hùng "Mùa Thu rồi ngày 23 ta đi theo tiếng kêu Sơn hà nguy biến" từng lớp thanh niên thoát ly gia đình, xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, dù trong tay chỉ có dao búa, tầm vong vạt nhọn... sát cánh cùng với các tay "giang hồ anh chị" Bình xuyên, "Tự vệ thành", nguyện hiến thân cho Tổ quốc. Nam bộ nổ tiếng súng đầu tiên chống Pháp và Sài Gòn, với hàng ngàn trai trẻ đã hy sinh, xứng đáng được kêu tặng là "Thành đồng Tổ quốc"

Ôi đẹp thay những tâm hồn ngây thơ trong trắng, khi quốc biến, chỉ biết non sông đất nước, đâu suy nghĩ sâu xa để biết mưu đồ của những kẻ gọi là lãnh đạo "Cách mạng."

Không phải cuộc sống gian khổ khiến thanh niên chúng tôi rời bỏ kháng chiến mà vì thấu hiểu mưu đồ của nhóm lãnh đạo. Càng đi sâu vào công tác càng thấy, qua cụm từ "Hội nghiên cứu Mắc xít", Cộng sản ngầm nắm lấy lãnh đạo ở mọi ngành dân quân kháng chiến, gài cán bộ đồng chí của họ vào vị thế chỉ huy.

Chúng tôi ý thức kháng chiến đã đổi hướng. Giai đoạn vì nước vì dân đã qua rồi. Qua màn lưới "Đảng Đoàn" giăng khắp; bí thư, chính ủy mọi cấp mới là lãnh đạo thực sự. Lúc ấy ai không phải cộng sản lại chẳng buồn. Như bao thanh niên lần lượt bỏ kháng chiến, tôi cũng giã từ khu chiến về thành.

- o\*o\*O\*o\*o -

## MÙA THU NĂM 1948



Vào buổi chiều thượng tuần tháng 10 (Octobre) tôi lên tàu "Marechal Joffre" nghỉ đêm để sáng hôm sau trực chỉ sang Pháp. Cha mẹ tôi cùng hai anh "Phước", "Thọ" đưa tiễn tôi tận bến tàu Trong số hơn trăm thanh niên Việt nam đi chuyến đó anh Phước bất ngờ nhận ra một anh bạn cũ đã từng học cùng lớp với anh. Anh giới thiệu tôi với anh Nguyễn quất Hảo và có lời gởi gắm tôi cho anh ấy.

Đêm đó tôi không sao ngủ được. Tôi rời quê hương sang Pháp chẳng qua vì tình thế khiến xui, thời cơ đưa đẩy. Tôi có bằng diplôme và brevet lúc còn vị-thành niên Gia đình không mấy khá giả, cha tôi có ý cho tôi ghi học kế toán với ông Lương Văn Hầu như anh tôi thuở trước, nhưng tôi xin được thử luyện thi tú tài cho tới 18 tuổi rồi sẽ định sau, hướng chi anh tôi cũng có thể chỉ dẫn tôi biết đại lược về phương cách lập sổ sách kế toán, chuyển di trương mục, tổng kết bảng số thu hoạch lời lỗ mỗi cuối năm.

Tôi có đôi chút "hụt hắng" khi các trường đóng cửa... nhưng với đất nước thu hồi quyền tự do độc lập, thanh thiếu niên chúng tôi cùng nhân dân đồng loạt hoan hô thoát ách nô lệ ngoại bang. Chúng tôi say sưa với niềm hãnh diện dân tộc. Vì vậy khi quân đội Anh giúp Pháp chiếm lại Sài Gòn chúng tôi lần lượt "thoát ly" gia đình tích cực tham gia kháng chiến với giấc mơ "lãng mạn" làm người hùng "Đất Nước." Cùng với

vài thanh niên trong quận tôi được tuyển vào học Khoá 3 trường "Quân Chính" Khu 7 với ban huấn luyện từ Bắc gọi vào gồm có Xuân Diệu (không phải nhà thơ Xuân Diệu) Mạnh Liên, Quang Phục. Khai giảng tại "Nhị Bình" thuộc tỉnh Gia định chưa hơn tuần thì có tin Pháp sẽ tấn công "càn quét", trường phải, nhưn canh khuya, chuyển toàn bộ xuyên sông "Sài gòn" qua Bình Nhâm vượt Quốc lộ 13 rút về Tân Khánh thuộc tỉnh Thu Dầu Một. Nhưng Pháp liên tiếp xua quân "bó ráp" mỗi lúc mỗi nhiều khiến dân quê xô xao tứ tán không thể bảo đảm cung cấp lương thực hậu cần cho hàng trăm học viên; khoá học đành giải tán các học viên theo lệnh trở về địa phương hoạt động. Về Lái Thiêu tôi cùng Trương Văn Tín và cô Nguyễn Thị Muội lập một "tiểu tổ" tiếp tục hoạt động cho Kháng chiến. Chỉ ít lâu sau Tín và tôi cũng trở về Khu 7 Tín được điều vào chức vụ Tổng thư ký Quận ủy Việt Minh tôi được anh Dương Danh Thắng trưởng đoàn Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh Thủ Dầu Một phân phối vào ban Tuyên truyền Xung phong với nhiệm vụ thành lập tại khắp quận xã đoàn Thanh niên Cứu quốc, mở lớp huấn luyện cán bộ đoàn viên và luân phiên đến công tác với họ trong các meeting tập hợp quần chúng.

Công tác huấn luyện hướng chúng tôi về nghiên cứu biện chứng pháp, tư tưởng, học thuyết, chủ nghĩa, sự hình thành lịch sử nhất là vai trò của chuyên chính vô sản Chúng tôi nhận thấy có sự mâu thuẫn giữa lý thuyết Cộng sản và Thực tế xã hội loài người, nhất là xã hội nông thôn Nam kỳ mà tình thân thiết liên đới tương trợ là cơ sở đã được xây dựng từ bao đời khi những đợt người Việt nghèo khổ miền Trung nắm tay nhau nguyện cùng giúp đỡ nhau vào miền Nam lập nghiệp, khai phá các vùng sinh lầy hoang vắng ngay tại đất khách quê người. Phá vỡ tình liên đới đó bằng gieo mầm hận thù giai cấp tức tạo sự tan vỡ xóm làng đã được xây dựng trên tương thân tương ái, lại còn mở đường cho kẻ vô nghề nghiệp côn đồ du đảng chỉ thích hiếp đáp thị oai trên dân, được dịp xung vào làm công cụ đàn áp, để Đảng tạo dựng củng cố "vô sản chuyên chính".

Khi hay biết hai bạn Tín và Muội kẻ trước người sau bỏ khu về thành, tôi cảm thông nỗi thất vọng của họ và tự nhiên nghĩ đến thân phận mình đang chán nản khi phải tiếp tục đi trên con đường hết muốn đi.... Thế rồi tôi cũng bỏ khu trở về sau hơn hai năm thoát ly gia đình.

Về thành, năm 1948 tôi không thể ở nhà cha mẹ, quận Lái Thiêu quá nhỏ nhiều người biết quá khứ hoạt động của tôi thuở ở Khu nên tôi đành phải tạm trú ở Saigon. Sống ở thành lại nhớ chiến khu, nhớ rừng cây dày mịt lau sậy âm u sông ngòi chằng chịt hoang vắng, những nơi mà lắm khi tôi cảm thấy như đang nằm trong lòng quê hương, được chở che đùm bọc bởi cảnh thiên nhiên bởi hồn thiêng sông núi. Trái lại, Sài-gòn thời bấy giờ, đông đảo Pháp kiều ăn mặc sang trọng, lính tây ngông nghênh "phách lối" khiến tôi bức bối với mặc cảm của kẻ thứ dân sống đời bị trị mất khí tiết hiên ngang của thân trai thời chiến. Tôi lâm vào nghịch cảnh. Trở lại khu thì phải khép mình vào kỷ luật sắt của chuyên chính. Ở thành thì phải sống với thực dân ngay trên đất nước quê hương.

Trong lúc bối rối với lựa chọn giữa "ở" - "đi" may sao nhận được tin anh Vàng, bạn thân của tôi đang du học tại Pháp. Tôi liền lặc ngay và Vàng khuyên tôi sang Pháp nhưng phải chuẩn bị tinh thần để sống đời tự lập. Anh chỉ giúp tôi làm một số giấy tờ thủ tục mà thôi. Thế là tôi quyết ra đi dù phải phiêu bạt ở xứ người. Một quyết định hợp thời vì Pháp đang mở cửa cho thanh niên Việt nam sang Pháp. Do vậy chuyến tàu tôi đi, số thanh niên Việt, nam lẫn nữ có trên trăm người....



nhấp nhô cô đơn giữa Biển Trời.

Hôm sau, khi bình minh "e ấp" chân trời tôi lên "pont" tàu. Nhìn xuống bờ sông chợt thấy dưới ánh đèn vàng nhạt, cha mẹ và anh tư Thọ đã đứng đấy tự bao giờ. Có sống những phút xúc động ấy mới cảm nhận tâm tình quý báu của gia đình.

Tàu tách bến. Bên bờ bao khăn vẫy? Trên tàu bao giòng lệ? Các chị gái òa khóc. Tàu chạy từ từ theo giòng sông Sài gòn, chừng ra khỏi Vũng tàu mới xả máy lướt nhanh. Bóng ruộng lúa đáng hàng đừa lần khuất dưới chân trời chỉ duy còn thấy sóng vờn trên nước. Tàu ngang qua Côn đảo tiến ra khơi,

Lúc linh đình trên biển, dù có buồn xa xứ, lo âu cho tương lai mờ mịt nơi xứ lạ quê người, nhưng khi nghĩ đến hai mùa Thu Đông, tôi cũng có vài thoáng vui vui biết rồi đây mình sẽ có dịp sống và ngắm cảnh gió thu hiu hắt, lá vàng bay lượn, lần bước đi dưới tuyết rơi trong cảnh rừng núi trắng xóa mờ mịt chân trời.

Thế nhưng, khi đến Pháp, tàu vừa cập bến, nhiều vấn đề thực tế phải đặt ra. Tôi cùng anh em đồng hành bước xuống thương cảng Marseille, vào ngày 04 tháng 11 năm 1948, bơ vơ trong trăm ngàn lo lắng, không có thân nhân nơi xứ người, chưa biết sẽ đi đâu, ở vùng nào... May sao, có một vài kiều bào xuống tàu đón rước và nhờ thế tôi cùng ba bạn đồng cảnh ngộ Nguyễn quất Hảo, Hồ thời Sang, Hồ kim Sang được hướng dẫn tạm trú ở khách sạn và ăn uống tại những nơi rẻ tiền. Nhìn các bạn tốt số được thân nhân đón ngay tại bến, vội vã từ giã, lấy xe lửa đi ngay lên Paris hay qua Nice, chúng tôi không tránh được nỗi xốn xang lo lắng. Chúng tôi phải ở lại Marseille vài ngày với ý nghĩ nhờ kiều bào giúp ý kiến, chỉ đường, để chọn đi nơi thích hợp.

Trong lúc bơ vơ ở xứ người, đâu ngờ cơ duyên lại dành dịp may giúp bốn đứa chúng tôi nhanh chóng hội nhập vào xã hội Pháp, lần lượt bước vào Đại học để sau đó tốt nghiệp, thành đạt sở nguyện. Ngày nay, ngồi nghĩ lại, nhận ra đó là cơ may tuyệt vời..

Sau hai ngày liên tiếp, lang thang trên đường phố Marseille, bỗng nhiên gặp hai người Việt, vừa thấy chúng tôi, đã tay bắt mặt mừng. Người lớn tuổi nhìn anh Hảo - anh bạn lớn tuổi nhất trong bốn đứa tôi - hỏi ngay: "*Hảo đó hả, Dung đây*". Người trẻ vỗ vai tôi "*Qua hỏi nào đó K. ?*". Thì ra đó là hai chú cháu Dung và Xuân. Dung bạn học của Hảo, còn Xuân trước ở Lái Thiêu bạn của cậu tôi. Xuân lại có hai cô em gái Trọng và Sanh, bạn của mấy em gái tôi, vì vậy chúng tôi biết nhau nhưng không thân, gặp nhau chỉ chào hỏi chớ chưa hề bắt chuyện với nhau.

Cùng về khách sạn hàn huyên, chú Dung và Xuân khuyên bốn đứa chúng tôi về Toulouse học. Ba bạn tôi nhận lời ngay. Riêng tôi ngần ngại, chú Dung hỏi lý do. Tôi thành thật cho biết đã bỏ học từ năm 1945 sau đó đi khu. Gia cảnh nghèo, nên dự tính lên Paris tìm việc làm sau đó sẽ học nghề sửa radio. Chú hỏi tôi bỏ học ở cấp nào. Tôi cho biết có bằng Thành Chung và Brevets theo học "cours Leuret" để luyện thi tú tài nhưng phải bỏ học vì biến cố 9 tháng 3 năm 1945 Nhật lật Pháp. Chú bảo ngay: "*Vậy K nên học lại chớ mới 20 tuổi đầu, có căn bản, mà học nghề uống lấm*".

Thấy tôi chưa quyết định, chú tiếp lời: "*Vấn đề tiền bạc chớ lo. Tôi sẽ xin cho bốn anh vào học lại ban Tú Tài, ở nội trú, ba tháng sau mới trả tiền, giải quyết ngay cấp thời vấn đề ăn ở. Học phí học sinh nội trú rẻ lắm.. Mỗi ba tháng chỉ tốn lỏi bảy tám trăm quan.*" Với lời xuất thuở ấy một đồng bạc Đông Dương đổi được 17 quan, gia đình sẽ dễ dàng giúp được. Tôi ưng ngay nghĩ rằng có nơi ăn chốn ở, không phải trả tiền ngay là may rồi. Ba tháng sau nếu không theo nổi thì bỏ học kiếm việc làm.

Chúng tôi đến Toulouse vào ở nội trú trường Berthelot học lại ban Tú tài. Tất cả thủ tục đều do chú Dung lo giúp và chừng ấy mới biết chú là Chủ tịch sáng lập viên "Hội học sinh sinh viên Toulouse". Ông "CHARLES" hiệu trưởng trường chăm sóc chúng tôi rất chu đáo với cả tấm lòng thông cảm. Ông cho phép chúng tôi trong những ngày cuối tuần cả đến những ngày nghỉ Lễ được phép ăn ở tại trường mà không phải trả phụ phí. Nhân viên phục vụ tận tình giúp đỡ, các giáo sư ân cần chỉ dạy...chúng tôi chỉ có học không phải lo lắng gì.

- o\*o\*O\*o\*o -

Thế rồi cả bốn đứa chúng tôi, khi có Tú tài, đều ghi tên vào Đại học nhưng chọn những ban khác nhau mỗi đứa theo học trường khác nhau nên dần dần xa nhau.

Được ghi tên vào Đại học, thuê phòng riêng, ăn tại quán dành cho sinh viên, học trong các thư viện... có đời sống sinh viên, sáng đi chiều về, tôi mới thực sự sống và ý thức về sự xoay mùa ở Pháp.

Xuân đúng là mùa thơ mộng. Lá xanh non vươn trên nhánh cành xam xám, tàn cây toả bóng rậm mát, óng ả, mịn màng dưới ánh nắng ấm áp, vàng tươi ngọt lịm. Ngàn hoa chen sắc, chim hót tưng bừng. Trong công viên người già ngồi trên ghế sưởi ấm, trẻ con chạy nhảy vui cười. Vài cặp thanh niên nam nữ bá vai nhau bước chậm, thì thầm.

Với Hè chúng tôi hợp nhau từng nhóm lên núi hoặc ra biển, nghỉ mát bằng cách rẻ tiền là cắm trại căng lều để ở, tự nấu ăn lấy vừa vui vừa rẻ. Ở vùng núi leo đồi, tắm suối. Xuống vùng biển nhảy sóng, bắt sò ốc hay mươn lưới rà tép...

Tôi thất vọng với mùa Thu tại thành phố Toulouse (miền Nam nước Pháp.) Nó không như tôi mơ tưởng, không thơ mộng với nỗi buồn man mác không đâu. Trái lại mưa bão liên miên, gió rít vi vu, cuốn lá vàng

roi rụng đầy đường, đầy sân. Khí lạnh, rét mướt len vào quần áo, bám vào da thịt thấm vào xương cốt. Trời luôn u ám, mây giăng mờ mịt; nước sông cuộn cuộn, rừng trơ, cây trụi, nhánh cành đen xám, vài chiếc lá vàng khô bám víu nhánh cành, lưu luyến, chưa muốn rời bay trong mù.

Đại học tự trường trễ hơn Trung học cả tháng. Vừa vào đầu Thu lá đã trở vàng rơi rụng dưới cơn gió luôn qua mưa rơi tầm tã. Khí lạnh lạnh khiến mình buồn và tự nhiên nhớ cha nhớ mẹ nhớ anh em bạn bè bà con hàng xóm láng giềng. Tình thế xử mình giờ ra sao? Theo dõi báo chí thì Pháp đang gia tăng quân số trong khi Cộng sản với Lê Duẩn và "Xứ ủy miền Nam" mỗi lúc mỗi nhuộm đỏ thêm hàng ngũ kháng chiến. Thực dân chỉ muốn chiếm lại Việt Nam, Cộng sản chỉ muốn đoạt quyền chánh trị thiết lập vô sản chuyên chính, tập trung quyền lực trong tay đảng; chẳng bên nào lưu ý đến người dân chỉ ước ao có cuộc sống an thân: có ăn có mặc có tự do để sống kiếp trần.

Tôi đang tư lự về thế chiến giữa hai lực lượng cùng là "Đế quốc" cả một bên là "Đế quốc Thực dân" một bên là "Đế Quốc Cộng sản xô viết" thì chú Dung đến thăm và bảo tôi "Sắp tựu trường em nên viết bài gửi lên Paris đăng báo "Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Pháp". Toulouse mình nên đóng góp. Tôi đang bận viết "thèse" không thể viết bài em giúp giùm" Tôi đang trần trụi về cuộc chiến tại quê hương nên vâng dạ nhận lời ngay. Vài ngày sau tôi thảo xong tâm trạng một sinh viên Việt Nam đang sống xa xứ xa nhà, lo lắng vì cuộc chiến tại quê hương, đang buồn nhớ cha mẹ anh em họ hàng bà con làng xóm láng giềng. Tôi quên nội dung bài viết nhưng những câu kết luận thì đến nay vẫn nhớ:

*"Ai ơi ! Đừng thấy cây trơ trụi lá bầu trời ảm đạm gió lạnh căm căm mà buồn rồi vội cho sự đời cũng buồn tênh như trời thu lộng gió vì ai ơi trong cái xác khô điu hiu của những thân cây cần cỗi ấy ẩn trú bao nhựa sống bao mầm non đang chờ một ngày kia bung ra dưới ánh sáng mặt trời muôn màu rực rỡ, huy hoàng trong ánh sáng Xuân...."*

*Ai ơi ! Mùa Xuân lộng lẫy lắm say sưa lắm và có qua Thu buồn Đông lạnh ta mới cảm thấy cái êm ả, ấm áp của buổi đầu Xuân Và nếu hiện nay bị ám ảnh bởi một mùa Thu buồn quá thì Bạn ơi hãy nhớ đến mùa Xuân rực rỡ kia để "nhúm" ở lòng Bạn đóm "Lửa Tin"*

- o\*o\*O\*o\*o -

## THU NĂM 1978

Vợ chồng tôi với con gái út lại vượt biển ra khơi cũng vào Thu (tháng 11 dương lịch) nhưng trên chiếc ghe máy ộp ộp đầy người tôi không nhớ ngày nhưng hôm đó có một biến cố gây xôn xao toàn dân quanh chợ Sài Gòn khiến người đến đón chúng tôi hoảng hốt ngỡ chuyến đi bị lộ và chúng tôi đang bị lính vây bắt. Chừng hồi lại mới biết vợ chồng cô đào "cải lương" Thanh Nga bị ám sát, lính chờ nạn nhân đến nhà thương Sài Gòn, dân chúng hay tin kéo đến đông nghet đường Lê Lợi mà nhà chúng tôi lại khít bên Nhà Thương Sài Gòn. Cái chết Thanh Nga đánh dấu ngày tôi ra đi..

Lần này là bỏ xứ vượt biển tìm tự do, sợ bị bắt tù đầy hơn sợ chết. Ngày đó khát đêm sóng to, mưa bão. Luôn sáu ngày đêm, mắt nhìn mặt trời và vì sao Bắc Đẩu là đũa trên mặt biển, để định hướng đi; tâm trí nặng trĩu lo âu. Chiều chiều nhìn biển thẳm, đợi nắng tắt để vội đi cái nóng bức nhiệt đới, mơ ước được đến bến tự do an toàn, dù phải lạc lõng ở phương trời nào.

Trải bao nhiêu gian truân khổ ải, sóng dồi gió dập, chúng tôi mừng rỡ khi thấy đất liền nhưng nào có lên được. Cảnh binh duyên hải Mã Lai dòng tàu ra khơi trở lại. Đến bến khác bị đuổi đi bởi trận mưa gạch đá. Vừa thấy một hải cảng chưa tính vào thì bị cảnh cáo bằng những loạt đại liên liên hồi, báo hiệu phải rút đi bằng không sẽ bị đánh chìm. Đành tiếp tục đi, hướng về vô định. Cho đến khi tàu sắp vỡ phải lủi đại vào bờ của một bãi vắng. Tàu vỡ tan. Người người nhảy xuống biển, bơi lội dìu nhau vào bờ nhìn nhau với giọt lệ mừng vì toàn bộ đều an toàn.

Một chú lính cảnh sát chạy tới về nghiêm nghị nhưng không giấu được ánh nhìn trắc ẩn; Ánh trắc ẩn này chúng ta không thể tìm thấy được trong đôi mắt lạnh lùng soi mói của nhơn viên Công An quê nhà. Cùng lúc vài chục thôn dân tìm tới, tiếp tế đôi ba thùng nước uống. Chúng tôi biết mình đã thực sự sống và tìm lại được tình người. Họ không phải đồng bào cùng chung nỗi giống. Họ với chúng tôi, lạ người, lạ ngôn ngữ. Họ là dân quê không khá giả gì nhưng cách đối xử hồn nhiên khiến chúng tôi cảm động biết mình tìm lại được xã hội loài người, biết xót thương đùm bọc, chớ không phải lúc nào cũng rừng rực hận thù, giết cho hết, diệt cho gọn, không hề biết thương, biết tiếc...

Chúng tôi sống non tháng tại bờ biển trong một nông trại bỏ hoang hư nát đầy rít to lớn với chút lương thực mang theo và nhờ con cháu, hãy nhỏ tuổi, nên được cảnh binh làm ngõ, cho đi bắt còng bắt ốc tại các mô đá dọc biển và nhứt là nhờ tình thương của dân trong xóm lén tiếp tế cho chúng tôi lương thực, nửa bán nửa cho. Họ còn nhận đánh điện tín giùm mà không lấy một xu. Sau này kiểm điểm lại những điện tín tôi nhờ đều đến tay thân nhân.

Phải một tháng sau, tư cách ty-nạn của chúng tôi mới được Cao Ủy công nhận và cho xe chở về trại Chérating. Tại trại ty nạn tập trung này, chúng tôi rất mừng được gặp Cộng đồng người Việt, lúc ấy độ hơn ngàn người. Thế là con đường đến tự do đã có lối...

- o\*o\*O\*o\*o -

Được tin chúng tôi vượt thoát Việt nam vợ chồng hai em chúng tôi Vinh, Anh rất mừng và bắt liên lạc với một người bạn gốc Việt từng sự tại Bộ Ngoại Giao Pháp nhờ chuyển tiền và can thiệp để chúng tôi sớm rời trại ty nạn xum hợp gia đình.

Chúng tôi qua Pháp vào cuối HÈ ở vài tháng tại Troyes rồi lên Paris vào đầu **THU 1979**:

Anh chị T.Đ.Khải-Bảo Anh, hai bạn thân đã may mắn rời Sài-gòn vài ngày trước 30 tháng 4 năm 1975, biết tin, mời chúng tôi tới dùng bữa cơm trưa tại nhà anh chị vào một ngày cuối tháng 11 năm 1979. Cơm xong lúc dùng bánh ngọt nước trà anh Khải nói: "Anh chị hãy nhìn qua cửa kiến xem... mùa Thu buồn như thế nào? Chưa chi cây đã trọi lá, mù xám phủ giăng...Buồn chết đi được Mùa này tỷ lệ tự tử rất cao!"

Ra về, thả bộ theo bờ sông Seine, nhà tôi tự lự rồi nói "Minh làm bài thơ tặng anh chị Khải đi!" Tôi cười "Trời thì buồn chết được, mình thì chưa có việc làm. Đầu óc đâu mà hứng thi thơ"

Nhà tôi kéo tay tôi, ranh mãnh: "thế anh quên cái chết của con chim Bồ nông rồi à? (2) Anh nhớ đi...Musset đã nói " les plus désespérés sont les chants les plus beaux" (3)

Về đến nhà hai đứa tôi trao đổi ý rồi cùng làm bài thơ sau đây

### Thu trên Đất Pháp

gió "Bắc" căm căm đến kịp thì (1)  
lá vàng bay lượn tiễn thu đi  
rừng trơ, mù khoác khăn tang khó  
cành trọi, sương đượm lệ biệt ly  
kỷ niệm vắn vương nhành cúc úa  
nhớ nhung lưu luyến ánh tà huy  
ngàn thông mây xuống... đem mưa tạt  
lạnh lẽo! Thu buồn... lách thếch đi

(1) vent du Nord, dùng chữ địa phương, ta quen gọi là gió "Bắc"

(2) la mort du Pélican

(3) chúng tôi chuyển ý của Musset bằng hai câu:

Thi nhân! hãy nhớ người ơi

Đoạn trường khéo "kết" tuyệt vời "vần" thơ



Một hôm, cách ba bốn năm sau, nhà tôi đưa tôi tờ "Nội san Áo tím" số THU trong đó có bài viết của chị Bạch Tuyết. Nhon chuyên đi "Québec" chị ấy có dịp ngắm cảnh THU «Canada». Qua cách tả của chị, tôi liền nghĩ đến cảnh Thu hùng vĩ, hoang dã, màu sắc rực rỡ của rừng "phong" trùng điệp, trong bầu trời mênh mông, đất rộng bao la. Chúng tôi hội ý chuyển "cảnh Văn" thành "tranh Thơ" làm quà tặng chị

### Thu OTTAWA

phải qua tận xứ Canada  
để ngắm THU sang dưới nắng tà  
rực rỡ rừng phong; vàng đỏ tím



*mênh mông trời rộng trắng, xanh, ngà  
gió từ phương Bắc gay gay lạnh  
chim hướng miền Nam cánh lập lòe  
nội cỏ... cúc buồn bên xác lá  
từng không... lơ lửng áng mây qua*

Tôi lại nhớ .... Hơn 50 năm về trước vào độ cuối năm 1952, lối đầu tháng 11 tức cũng vào THU tôi từ già Toulouse lên Paris với giấc mơ trở thành như viên giảng huấn Đại học sau này. Đến năm 1956 tôi thi lấy bằng Cao học thứ 3 để có đủ điều kiện dự thi tuyển giáo sư Đại học. Cùng thi bằng ấy với tôi có anh Marcel từ Việt nam qua Anh đã là giảng sư Đại học Sài gòn và Hà nội. Anh cũng thi như tôi và anh cũng nuôi hy vọng sau này dự thi tuyển vào ngạch Giáo sư như tôi.

Chiều ngày công bố kết quả để mừng cùng thi đậu, anh chở tôi đi chơi vùng Neuilly, phụ cận Paris. Khi tôi khen trời thu tại đây rất đẹp, anh cười bảo: "*Sau này, nếu có dịp, mời em ra miền Bắc chơi cho biết. Thu Hà Nội đẹp tuyệt vời. Ở đây, mùa thu dài, âm đạm, lạnh buốt thấu xương... họa hoàng mới thoáng có chút nắng vàng nhạt như thế này*".



Anh say sưa tả cảnh thu Hà Nội khiến tôi nhớ đoạn văn mà giáo sư "Trúc Hà" Trần Thiêm Thới, cho là của Đinh Hùng, và bảo chúng tôi dịch ra Pháp văn vào thuở tôi còn học trường Lê bá Cang:

*"Thu năm nay, tôi lại đi trên đường vắng này, nghe từng chiếc lá rơi trên bờ cỏ. Những cây liễu xanh, đứng buồn, như những nàng cung nữ thời xưa và trong vườn nhà ai, thấp thoáng hoa phù dung mới nở trắng xoá như một linh hồn còn trẻ. Gió đây vẫn là gió của ngày xưa và tâm hồn tôi vẫn là tâm hồn tôi năm trước. Đường này hiu hắt, tôi đem lòng về để gặp lại mùa thu thương nhớ cũ và mây cũng thấy về*

*để nước hồ xanh...*

*"...Chân ai đi xa vắng đàng kia? Hay đó là tiếng gió thoáng qua và gió nào lay động hồn tôi ? Hay đó là dư âm của một ngày thu cũ!"*

Do vậy khi từ già anh Marcel về nhà ngay đêm ấy tôi cảm hứng làm ra bài thơ sau đây

### **Mơ Thu Quê Nhà**

(Mến tặng anh MARCEL... biết bao giờ ta lại gặp ta)

*chạnh nhớ Thu nào trên xứ tôi  
thảnh thơi mây trắng vắt ngang trời  
cây vàng soi bóng gương hồ biếc  
gió nhẹ dịu dàng đón lá rơi  
tịch tịch, đường quê, tre kéo kẹt  
bâng khuâng, bờ dậu, cúc tươi cười  
chim cô lẽ cánh trên rừng vắng  
êm ả trắng ngàn lặng bóng soi*

Vì vậy tôi mơ thu Hà Nội. Nhưng năm 1957 tôi về xứ thì đất nước đã chia đôi

Ngày nay với tấm thân tỵ nạn tuổi đời lại cao, xứ sở tôi vẫn luôn chuyên chính, khó hy vọng có Tự Do khi Bộ máy Công An đồ sộ giăng khắp bảo vệ XHCN, đã không chút nương tay, để giết không tiếc, diệt không thương những người Việt biểu lộ lòng yêu nước... làm sao người yêu dân chủ thích tự do như chúng tôi có thể về miền Bắc, bình thản, sống cảnh mùa Thu thanh tịnh êm ả thơ mộng dưới trời Hà nội?

Nhưng những lời anh Marcel diễn tả cảnh Thu miền Bắc phối hợp hài hoà với lời văn trầm buồn của nhà văn Đinh Hùng đã đi sâu vào tâm hồn, tạo ở tôi giấc mơ huyền ảo của mùa Thu miền Bắc.

Phải chăng Thu trên xứ tôi, ngoài cái đẹp Thiên Nhiên, còn phảng phất khí thiêng Đất Nước, lờn vờn hồn xưa Tiên Nhân? Chỉ khi nhìn cảnh mà cảm thông với cảnh, giữa người và cảnh mới nảy sinh "Tình".

Ai ơi ! Xin đừng đánh mất "NHƠN TÌNH" để kiếp sống mất đi "NHƠN TÍNH". Tình người phát sinh từ xúc



động chân thành của con tim ưu ái chớ đâu phải từ sự gạn lọc của lý trí lấy suy luận vạch đôi ranh giới phân biệt: Bạn-Thù....và như thế ngay trong tập thể đồng bào đã từng trong quá khứ, sát cánh nhau chống ngoại xâm chung sức nhau xây dựng xứ sở này xuyên suốt mấy ngàn năm lịch sử không bao giờ quên tình liên đới nghĩa đồng bào theo đúng câu phong dao đã truyền khẩu trong nhân dân, kinh qua cả trăm thế hệ:

*Bầu ơi thương Bí với cùng  
Tuy là khác giống nhưng chung một giàn*

**CHANSON D' AUTOMNE**  
PAUL VERLAINE

Les sanglots longs  
Des violons  
De l'automne  
Blessent mon coeur  
D'une langueur  
Monotone

Tout suffocant  
Et blême quand  
Sonne l'huere  
Je me souviens  
Des jours anciens  
Et je pleure

Et je m'en vais  
Au vent mauvais  
Qui m'emporte  
De çà, de là  
Pareil à la  
Feuille morte

**THU CA**  
CHÂU TIÊN KHU'ÔNG phỏng dịch

Vỹ cầm thồn thức gợi khơi  
Niềm thương Nỗi nhớ Đất Trời  
Vào Thu  
Luồn theo gió rít vi vu  
Long se, se thất...Tâm tư  
Chán chường

Ngợp trời lam khí mù sương  
Thoáng nghe vắng vắng hồi chuông  
Điểm giờ  
Nhớ nhung kỷ niệm ngày thơ  
Rưng rưng đôi mắt lệ mờ  
Hoen mi

Thẩn thờ !Thất thểu ! bước đi  
Đi trong rét mướt, dưới "phi lau "  
Buồn  
Thân này xác lá ven đường  
Loạn bay với gió....hà phương  
vật vờ